UBND PHƯỜNG HỘI AN TÂY

Biểu số 02

TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TRẢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ NGHỈ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP

ĐVT: nghìn đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức danh	Đối tượng được hưởng theo (chọn PL I NĐ 135, hoặc PL II NĐ 135)	Quyết định phê duyệt	Ngày tháng năm nghỉ việc	Thời gian công tác đối với các trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP		Thời gian công tác đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP			Đối với các trường hợp quy định khoản 3 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (số tháng)	Tiền phụ cấp hàng tháng hiện hưởng	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ				Tổng dự toán thực hiện	Nguồn kinh phí thực hiện		Ghi chú
								Tính theo số năm công tác	*Tính theo số tháng công tác*	*Thời điểm nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 135/2020/NĐ-CP*	*Số tháng nghỉ sớm tính hưởng chế độ trợ cấp*	*Số năm công tác*			Tổng cộng	Người hoạt động KCT cấp xã nghỉ ngay khi thực hiện chính quyền 02 cấp				Sử dụng từ nguồn CCTL NSTP bổ sung	Sử dụng từ nguồn CCTL của xã, phường	
																Trợ cấp một lần	Trợ cấp theo số năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm				
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15
	Tổng cộng														**1,457,581**	**880,186**	**496,665**	**80,730**	**1,457,581**	**0**	**1,457,581**	
1	Nguyễn Huệ	15/12/1964	Nam	Bí thư chi bộ TDP Thịnh Mỹ	PL I NĐ 135	QĐ 1534/QĐ-UBND ngày 30/7/2026	30/06/2026			01/07/2026	0.03	13.1		4,680	112,432	112	98,280	14,040	112,432		112,432	
2	Nguyễn Chín	29/09/1967	Nam	Tổ trưởng TDP Tân Thành	PL I NĐ 135		01/07/2026			01/10/2029	39	9		3,510	167,427	109,512	47,385	10,530	167,427		167,427	
3	Huỳnh Sáu	01/01/1969	Nam	Tổ trưởng TDP Đồng Nà	PL I NĐ 135		01/07/2026			01/02/2031	53	18.9		4,680	345,852	198,432	133,380	14,040	345,852		345,852	
4	Nguyễn Hoan	28/12/1966	Nam	Bí thư chi bộ TDP Đồng Nà	PL I NĐ 135		30/06/2026			01/01/2029	30	19.1		4,680	263,250	112,320	136,890	14,040	263,250		263,250	
5	Đoàn Thanh Khanh	10/12/1985	Nam	Trưởng ban CTMT Đồng Nà	PL I NĐ 135		30/06/2026	2	30					4,680	143,910	112,320	17,550	14,040	143,910		143,910	
6	Nguyễn Thị Bình Thuận (HT)	10/10/1950	Nữ	Trưởng ban CTMT Tràng Suối			30/06/2026						X	4,680	70,200	70,200	0	0	70,200		70,200	
7	Nguyễn Sanh (ĐTH)	04/08/1964	Nam	Tổ trưởng TDP An Phong			01/07/2026						X	3,510	52,650	52,650	0	0	52,650		52,650	
8	Nguyễn Thành Nhân	09/02/1979	Nam	Tổ trưởng TDP Tràng Suối	PL I NĐ 135		01/07/2026	9	108					4,680	301,860	224,640	63,180	14,040	301,860		301,860	

<u>Ghi chú</u> : Đề nghị địa phương xác định rõ nguồn kinh phí thực hiện chính sách tại các cột 13 và 14 (ưu tiên dùng hết nguồn CCTL tại địa phương, mới đề xuất NSTP bổ sung).